

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS - ST

Ngày: 13 - 8 - 2019.

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh.

Ông Đoàn Văn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2018/TLST - DS, ngày 20/12/2018 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST - DS, ngày 20/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Trung T, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Số XX, Khu phố Y, Phường Z, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Dương Thành C, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 02/4/2019.

Bị đơn: Anh Võ Minh T1, sinh năm 1989 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2018 của nguyên đơn anh Trần Trung T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Dương Thành C trình bày: Vào ngày 09/11/2015 anh Trần Trung T có cho anh Võ Minh T1 vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, có lập biên nhận nhận tiền và anh T1 đã nhận đủ tiền, thời hạn vay đến ngày

09/11/2017 phải trả nợ. Sau khi vay tiền anh T1 không có đóng lãi và cũng không trả tiền vốn. Nay anh T yêu cầu anh T1 phải hoàn trả tiền vay trong đó tiền vốn là 70.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 09/11/2015 đến ngày xét xử là 23.625.000 đồng, khi thỏa thuận vay tiền giữa anh T và anh T1 chỉ thỏa thuận miệng về lãi suất chứ không có ghi trong hợp đồng nên không có chứng cứ để chứng minh và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ về vấn đề này.

Bị đơn anh Võ Minh T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 09/11/2015, giữa anh Trần Trung T và anh Võ Minh T1 có thiết lập hợp đồng vay tài sản, trong quá trình thực hiện hợp đồng anh T cho rằng anh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 08/10/2018 anh T khởi kiện yêu cầu anh T1 phải thanh toán nợ. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án cần phải giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Căn cứ vào xác nhận nơi cư trú của Công an xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị đơn anh Võ Minh T1 có nơi cư trú tại ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Về thời hiệu khởi kiện, hợp đồng vay tài sản các bên thỏa thuận đến ngày 09/11/2017 thì bị đơn mới thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó ngày 08/10/2018 nguyên đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 154 Bộ luật dân sự. Đối với bị đơn Võ Minh T1 đã trực tiếp tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Vào ngày 09/11/2015 giữa anh Trần Trung T và anh Võ Minh T1 có thiết lập hợp đồng vay tài sản, nội dung anh T cho anh T1 vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm, hai bên có làm biên nhận nhận tiền được công chứng ngày 09/11/2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì phát sinh tranh chấp, anh T cho rằng anh T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên anh khởi kiện yêu cầu anh T1 phải hoàn trả tiền vay trong đó tiền vốn là 70.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 09/11/2015 đến ngày xét xử là 23.625.000 đồng, đối với anh T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, thông báo của Tòa án yêu cầu anh giao nộp chứng cứ để chứng minh không có vay và không có nợ anh T số tiền 70.000.000 đồng nhưng anh T1 không có ý kiến và giao nộp chứng cứ để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Biên nhận nhận tiền ngày 09/11/2015 có chữ ký của

anh T1 và được công chứng thể hiện anh T1 có nhận của anh T số tiền vay là 70.000.000 đồng và thời hạn vay, thời hạn trả nợ giống như lời trình bày của nguyên đơn. Do đó có căn cứ để xác định anh T1 còn nợ anh T số tiền vay 70.000.000 đồng, việc anh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh T nên căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, buộc anh T1 phải hoàn trả cho anh T tiền vốn vay 70.000.000 đồng là phù hợp. Đối với yêu cầu tính lãi của anh T từ ngày 09/11/2015 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 0,75%/tháng, số tiền lãi là 23.625.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cho rằng khi các bên thiết lập hợp đồng vay có thỏa thuận mức lãi suất là 02%/tháng tuy nhiên nguyên đơn không chứng minh được có sự việc này, căn cứ vào biên nhận nhận tiền ngày 09/11/2015 do nguyên đơn cung cấp cũng không thể hiện hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi, do đó xác định đây là hợp đồng vay không có lãi, bị đơn chỉ phải chịu tiền lãi tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ (từ ngày 10/11/2017) còn khoảng thời gian trong thời hạn thực hiện hợp đồng (từ ngày 09/11/2015 đến ngày 09/11/2017) không tính lãi là phù hợp với quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự, đối với mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó số tiền lãi được tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 10/11/2017) đến ngày xét xử như sau: $70.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 11.077.500 \text{ đồng}$.

[3] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc anh Võ Minh T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ phải hoàn trả nợ cho anh Trần Trung T là $81.077.500 \times 5\% = 4.054.000 \text{ đồng}$ và buộc anh Trần Trung T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là $12.547.500 \text{ đồng} \times 5\% = 627.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Võ Minh T1 có nghĩa vụ phải hoàn trả cho anh Trần Trung T số tiền vay trong đó tiền vốn là 70.000.000 đồng, tiền lãi là 11.077.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc anh Võ Minh T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.054.000 đồng.

Buộc anh Trần Trung T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 627.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên anh Trần Trung T được nhận lại số tiền 1.123.000 đồng.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện